

Bản án số: 46/2019/HS-ST

Ngày: 25 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Dũng

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Trần Văn M. Sinh ngày 01/01/1978, tại Đà Nẵng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 122, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị X (còn sống);

Có vợ Nguyễn Thị Hồ B và 02 con; lớn nhất 14 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Năm 1998, bị TAND quận Liên Chiểu xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác” (Bản án sơ thẩm số 16/HS-ST ngày 31/10/1998); chấp hành xong hình phạt chính và ra trại ngày 21/5/1999

(theo giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 219/GCN- ngày 21/5/1999 của Trại tạm giam Hòa Sơn);

+ Năm 2001, bị UBND TP. Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục tại Hoàn Cát, Cam Lộ, Quảng Trị, trong thời hạn 24 tháng; chấp hành xong và về địa phương năm 2003;

+ Năm 2010, bị TAND quận Liên Chiểu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án sơ thẩm số 74/2010/HSST ngày 17/8/2010);

+ Năm 2011, bị TAND quận Cẩm Lệ xử phạt 02 năm 6 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án sơ thẩm số 09/2011/HSST ngày 28/3/2011); tổng hợp hình phạt với 6 tháng tù của bản án số 74/2010/HSST của TAND quận Liên Chiểu nên thời hạn chấp hành hình phạt chung là 03 năm tù; chấp hành xong hình phạt chính và ra trại ngày 06/3/2013 (theo giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 185/GCN- ngày 06/3/2013 của Trại giam Bình Điện);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2019 - Có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Đình H1. Sinh ngày 10/4/1994, tại Quảng Nam.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 5, xã T, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: K1/29 Hoàng Văn T, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Đình H3 và bà Nguyễn Thị H4 (đều còn sống);

Có vợ là Nguyễn Thị Ánh T2 và có 03 con: lớn nhất 04 tuổi, nhỏ nhất 03 tháng tuổi; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1/Ông Lê Quang T. Sinh năm: 1984(Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 01 Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2/ Ông Nguyễn Công Ch. Sinh năm: 1990 (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 35 Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng-

3/Ông Lương Tấn V. Sinh năm: 1991(Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 35 Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

4/Ông Nguyễn Đức H2. Sinh năm: 1992(Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 35 Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

5/Ông Hồ Quang Kh. Sinh năm: 1992 (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 35 Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồ B. Sinh năm: 1982 (có mặt)

Trú tại: Tổ 122, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

2. Ông Nguyễn Đức Ng. Sinh năm: 1975. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 78, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

** Người chứng kiến:*

Ông Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1994(vắng mặt)

Trú tại: Số 35 Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00h ngày 20/6/2019, Trần Văn M điều khiển xe máy hiệu Wave màu xanh đen, BKS số: 43K5-6203 từ nhà M tại tổ 122, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng đến khu dân cư cạnh trường phổ thông trung học Ngũ Hành Sơn thuộc phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; M để xe tại bãi đất trống cạnh trường học rồi đi bộ theo các lối thoát hiểm phía sau nhà dân quanh khu vực cạnh đó với mục đích trộm cắp tài sản. Tại đây, M đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần 1: Tại nhà số 01 đường Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, M phát hiện cửa thoát hiểm phía sau không đóng phần khung chắn gió, bên trong để điện sáng, thấy vậy M nhặt một móc sắt phơi đồ cạnh đó móc vào lưới bảo vệ khung cửa giật mạnh ra làm tấm lưới bảo vệ bung ra ngoài, rồi M thò tay vào trong mở chốt cửa rồi đi vào nhà. M kiểm tra tầng trệt không có gì, lên tầng hai phát hiện và lấy 01 máy tính xách tay hiệu Asus để dưới đất bên cạnh hành lang cầu thang và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen đang sạc pin của anh Lê Quang T để trên bàn trong phòng thờ bỏ vào túi quần và đi ra ngoài theo lối đã đi vào. Khi ra đến lối thoát hiểm phía sau nhà, M kiểm tra thấy máy tính đã cũ không có giá trị nên M vứt bỏ lại tại lối thoát hiểm.

Lần thứ 2: Tại số nhà 35 đường Sơn Thủy 4, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, phát hiện khung kính bảo vệ ở cửa thoát hiểm phía sau không đóng, cửa sổ bên hông cửa sổ thoát hiểm cũng không đóng, M thò tay vào cửa sổ mở chốt cửa thoát hiểm rồi đi bộ vào trong nhà. M đi thẳng lên tầng hai, phát hiện phòng khách phía trước có hai thanh niên đang nằm ngủ dưới nền nhà nên lục tài sản để trộm cắp. M phát hiện và lấy trộm của anh Hồ Quang Kh 400.000 đồng trong 01 chiếc ví rồi bỏ ví lại chỗ cũ, 01 ĐTDĐ Iphone 6 plus đang sạc pin để trên đầu; lấy của anh Lương Tấn V 01 ĐTDĐ Nokia màu đen đang sạc pin bỏ vào túi

quần. Tiếp đó, M vào phòng ngủ bên cạnh lấy của anh Nguyễn Đức H2 01 ĐT hiệu Samsung đang sạc pin và 01 chiếc ví bên trong có 10.000.000 đồng trong túi áo công nhân để trên kệ treo quần áo cạnh giường ngủ, bỏ vào túi quần và đi xuống tầng một. Khi đi ra đến phòng ngủ cạnh bếp, M lên vào trong lấy 01 chiếc balo bên trong đựng 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell màu đen và 01 ví tiền bên trong có 380.000 đồng của Nguyễn Công Ch rồi đi ra ngoài theo lối đã đi vào. Khi ra đến đường luồng phía sau nhà, M rút lại chiếc ví và balo sau khi đã lấy hết tiền và máy tính xách tay của anh Ch. Sau đó M đi bộ ra chỗ để xe máy, lấy xe chở tài sản trộm được về nhà của M tại tổ 122 phường Hòa M, quận Liên Chiểu để cất giấu.

Đến 08h sáng ngày 20/6/2019, M mang ĐTDĐ Iphone 6 plus trộm được đến tiệm mua bán, sửa chữa điện thoại số 285 đường Tôn Đức Thắng, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng để bán. Tại đây, M có đưa điện thoại Iphone 6 plus cho Phạm Đình H1 là chủ tiệm xem và hỏi: “Anh có mua máy không?”. H1 cầm mở máy lên kiểm tra còn pin, khóa màn hình bằng mật khẩu và nói: “Máy có mật khẩu”, H1 hỏi M mật khẩu thì M trả lời: “Không có”. H1 nói không có mật khẩu mua với giá 600.000 đồng. M đồng ý bán cho H1. Khoảng 30 phút sau, M đem tất cả toàn bộ tài sản trộm được gồm 01 máy tính xách tay hiệu Dell và 03 ĐTDĐ đem đến cho H1 xem. Khi H1 xem máy, tất cả các máy đều còn pin và có khóa màn hình bằng mật khẩu, H1 hỏi M mật khẩu thì M trả lời không có. H1 nói với M: “03 máy điện thoại không có mật khẩu nên chỉ mua với giá 1.000.000đ, máy tính xách tay giá 1.500.000đ”. M đồng ý bán cho H1 tổng cộng với giá 2.500.000đ. Khi H1 mua các tài sản trên, H1 có nghi ngờ tài sản do M trộm cắp mà có vì số lượng tài sản đem đến bán nhiều, tất cả các máy M đều không có mật khẩu. Cả hai lần H1 mua máy của M, H1 không hỏi và M cũng không nói cho H1 biết về nguồn gốc tài sản do H1 muốn việc mua bán diễn ra nhanh chóng. Tổng số tiền M bán tất cả các tài sản trộm được cho H1 là 3.100.000 đồng. M đem số tiền mặt trộm được là 10.480.000 đồng và số tiền bán tài sản có được mang đi trả nợ tiền M đã tiêu xài trước đó.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Lê Quang T, Nguyễn Đức H2 đã đến Công an phường H, quận Ngũ Hành Sơn trình báo.

Đến khoảng 16h cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an quận Ngũ Hành Sơn mời M về làm việc. Tại đây M Khi nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Đồng thời Cơ quan CSĐT Công an quận Ngũ Hành Sơn đưa M đến tiệm sửa điện thoại của H1 thu hồi toàn bộ tài sản M đã bán cho H1.

Tang vật thu giữ: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 plus màu xám; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A8 màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia X3 màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 6.1 plus màu đen; 01 laptop hiệu Dell màu đen; 01 balo màu đen; 01 laptop hiệu Asus màu đen.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản: 40/KLĐG-HĐĐGTS ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Ngũ Hành Sơn, kết luận:

- + 01 Điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Iphone 6plus, màu xám trị giá 4.550.000đ
- + 01 Điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Samsung A8, màu đen trị giá 5.500.000đ
- + 01 Điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Nokia X3, màu đen trị giá 600.000đ
- + 01 Điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Nokia 6.1 plus, màu đen trị giá 6.210.000đ
- + 01 Máy laptop (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Dell, màu đen trị giá 7.000.000đ
- + 01 Máy laptop (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Asus, màu đen trị giá 2.400.000đ
- + 01 Túi ba lô, màu đen, không có nhãn hiệu trị giá 100.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 26.360.000đ.

Quá trình điều tra, Trần Văn M và Phạm Đình H1 đã Khi nhận hành vi phạm tội trên.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS-NHS, ngày 27/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Đình H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Đình H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn M mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đình H1 mức án từ 06 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Hồ B vợ của bị cáo Trần Văn M, đã hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đức H2 nên H2 không có yêu cầu gì về dân sự.
- Đối với số tiền M trộm của Hồ Quang Kh, Nguyễn Công Ch các bị hại đều không có yêu cầu bồi thường về số tiền này nên không đề cập đến.
- Đối với số tiền 3.100.000 đồng H1 mua tài sản do M phạm tội mà có H1 không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

- Các bị hại Nguyễn Đức H2, Hồ Quang Kh, Nguyễn Công Ch, Lương Tấn V và Lê Quang T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Wave màu xanh đen, Biển kiểm soát số: 43K5-6203 do Trần Văn M sử dụng làm phương tiện để phạm tội là của anh Nguyễn Đức Ng đứng tên chủ sở hữu. Trước đó anh Ng cho M mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc M sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản anh Ng không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn đã trả lại cho anh Ng là có cơ sở.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q. Ngũ Hành Sơn đã trả lại cho các bị hại, cụ thể: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 plus màu đen cho anh Hồ Quang Kh; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A8 màu đen cho anh Nguyễn Đức H2; 01 laptop hiệu Dell màu đen và 01 balo màu đen cho anh Nguyễn Công Ch; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia X3 màu đen cho anh Lương Tấn V; 01 laptop hiệu Asus màu đen và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 6.1 pls màu đen cho anh Lê Quang T là có cơ sở.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại ông Lê Quang T, ông Nguyễn Đức H2, ông Hồ Quang Kh, ông Nguyễn Công Ch, ông Lương Tấn V do có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Ng; người chứng kiến ông Nguyễn Thanh Tr đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này trong hồ sơ vụ án đã có lời Khi. Do đó, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn M và bị cáo Phạm Đình H1 Khi nhận hành vi phạm tội, lời Khi nhận của bị cáo phù hợp với lời Khi của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 00h ngày 20/6/2019, tại nhà số 01 và nhà số 35 đường Sơn Thủy 4 phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; Trần Văn M đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp 04 ĐTDĐ các nhãn hiệu Iphone 6plus, Samsung A8, Nokia; 02 máy tích xách tay nhãn hiệu Dell và Asus; 01 balo đựng máy tính xách tay và 10.780.000 đồng tiền mặt của các bị hại gồm: Nguyễn Công Ch, Lương Tấn V, Nguyễn Đức H2, Hồ Quang Kh và Lê Quang T. Tổng giá trị tài sản mà M trộm cắp là 37.140.000 đồng.

Khoảng 08h 30 ngày 20/6/2019, tại cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại số 285 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Phạm Đình H1 đã 02 lần có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là 04 điện thoại di động các loại, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, trị giá: 23.860.000 đồng.

[2.2] Hành vi trên của các bị cáo Trần Văn M và Phạm Đình H1 đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản và xâm hại an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, vi phạm vào Điều 173 Bộ luật hình sự; Điều 323 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 48/CT-VKS-NHS ngày 27/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn M thì thấy: Bị cáo là người cha, người chồng, lẽ ra bị cáo pH1 lo lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo phạm tội rất liều lĩnh, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của những người bị hại nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tài sản mà bị cáo M chiếm đoạt của các bị hại có tổng trị giá là 37.140.000 đồng. Hành vi của bị cáo M đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

[2.4] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đình H1 là do tham lam, tư lợi, mặc dù không có hứa hẹn trước với M, khi M đem các tài sản trộm được đến bán ,bị cáo biết tài sản do bị cáo Trần Văn M phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ tài sản được bị cáo M trộm cắp, giá trị tài sản bị cáo H1 tiêu thụ là 23.860.000 đồng. Hành vi của bị cáo H1 đã trực tiếp xâm hại an toàn công cộng, trật tự công

cộng, tạo điều kiện cho người khác đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[2.5] Xét tính chất hành vi của bị cáo M và bị cáo H1 đã gây mất lòng tin đối với mọi người xung quanh, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.6] Xét hành vi phạm tội; vai trò và nhân thân; tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

[2.6.1] Đối với Trần Văn M, bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 37.140.000 đồng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Năm 1998 bị TAND quận Liên Chiểu xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”; Năm 2001 bị UBND TP. Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục tại Hoàn Cát, Cam Lộ, Quảng Trị trong thời hạn 24 tháng; Năm 2010 bị TAND quận Liên Chiểu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2011 bị TAND quận Cẩm Lệ xử phạt 02 năm 6 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo M đã thành khẩn Khi báo, ăn năn hối cải, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo đã khắc phục H2 quả. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo M một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo PH1 chịu.

[2.6.2] Đối với hành vi của bị cáo Phạm Đình H1 do tham lam, tư lợi, mặc dù bị cáo biết tài sản do bị cáo Trần Văn M phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo H1 một mức án tương xứng với tính chất và hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H1 đã thành khẩn Khi báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo PH1 nuôi 03 con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo H1 một phần hình phạt khi lượng hình.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là Lê Quang T, Nguyễn Đức H2, Hồ Quang Kh, Nguyễn Công Ch, Lương Tấn V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập đến.

[4] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Wave màu xanh đen, Biển kiểm soát số: 43K5-6203 do Trần Văn M sử dụng làm phương tiện để phạm tội là của anh Nguyễn Đức Ng đứng tên chủ sở hữu. Trước đó anh Ng cho M mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc M sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản anh Ng không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn đã trả lại cho anh Ng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q. Ngũ Hành Sơn đã trả lại tài sản cho các bị hại, cụ thể: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 plus màu đen cho anh Hồ Quang Kh; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A8 màu đen cho anh Nguyễn Đức H2; 01 laptop hiệu Dell màu đen và 01 balo màu đen cho anh Nguyễn Công Ch; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia X3 màu đen cho anh Lương Tấn V; 01 laptop hiệu Asus màu đen và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 6.1 plus màu đen cho anh Lê Quang T nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng, cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo M, bị cáo H1 mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Phạm Đình H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 02 năm 6 tháng tù (hai năm sáu tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 21/6/2019.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình H1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn M và bị cáo Phạm Đình H1 mỗi bị cáo pH1 chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Án xử công Khi sơ thẩm báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/10/2019.

Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA quận Ngũ Hành Sơn;
- Công an trại tạm giam TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

